

5 TRƯỜNG THÔNG TIN BẮT BUỘC:

1. Hành trình (**ITINERARY**)
2. Tên khách (**NAME**)
3. Điện thoại liên hệ (**PHONE**)
4. Thông tin xuất vé (**TICKETING**)
5. Tên người tạo PNR (hoặc thay đổi) (**RECEIVED FROM**)

1. ITINERARY – Hành trình

Bước 1: Hiển thị tình trạng chỗ:

> **ADDMMDEPARR*YY**

Bước 2: Chọn **SỐ LƯỢNG CHỖ** cần đặt
(Mặc định của hệ thống là **ANY** là **1** chỗ)



A screenshot of a flight search interface. The interface is a horizontal bar with a blue background. On the left, there is a close button (X). Next to it is a dropdown menu showing 'ANY' with a downward arrow, which is highlighted with a red box. To the right of the dropdown are three buttons: '30', '01DEC', and '02'. On the far right, there is a calendar icon with the number '30' inside it.

Bước 3: Click **HẠNG ĐẶT CHỖ** cần đặt trên chuyến bay

Bán chỗ Trực tiếp (khi biết **số hiệu** chuyến bay):

0TG557Y12DECSGNBKKNN2

- **0:** cú pháp
- **TG557:** số hiệu chuyến bay
- **Y:** hạng đặt chỗ
- **12DEC:** DDMMM
- **SGN:** DEP (cần lấy **code** của **sân bay**)
- **BKK:** ARR (cần lấy **code** của **sân bay**)
- **NN:** cú pháp
- **2:** số chỗ

Chặng mặt đất – ARNK (không đi máy bay)

=> giúp hành trình liên tục: >Y

1.1 TRUONG/MINH DUC											
1.	TG	565	W	18APR	HANBKK	HK1	2045	2235	0*	E WE	1
2.	TG	930	W	19APR	BKKCDG	HK1	0005	0705	0*	E TH	1
3.		ARNK									
4.	TG	921	W	26APR	FRABKK	HK1	1445	#0625	0*	E TH/FR	2
5.	TG	560	W	27APR	BKKHAN	HK1	0745	0935	0*	E FR	2

2. NAME – Tên khách (p.29):

ĐỐI TƯỢNG KHÁCH	GIỚI TÍNH	GHI CHÚ
ADT \geq 12 YRS OLD	MRS , hoặc MR , hoặc MS	Chiếm chỗ
$2 \leq$ CHD $<$ 12 YRS OLD	MISS (bé gái), hoặc:	Chiếm chỗ
INF $<$ 2 YRS OLD	MSTR (bé trai)	KHÔNG chiếm chỗ

KHÁCH	CÂU LỆNH	VÍ DỤ
Người lớn – ADT	N.HỌ/TÊN GIỚI TÍNH	N.NGUYEN/ VANAMR
	HỌ của ADT QUÁ NGẮN	N.ALY/ MR
Trẻ em – CHD	N.HỌ/TÊN GIỚI TÍNH*P-C số tuổi	N.LE/ VANTHUMISS*P-C8
Trẻ sơ sinh – INF	N.I//HỌ/TÊN GIỚI TÍNH*DDMMYY	N.I//LE/ PETERMSTR*01JAN18
Huỷ tên	N.P3@ (CHƯA kết thúc booking)	Huỷ tên khách 3

3. PHONE – Điện thoại (p.29-30):

	CÂU LỆNH, DIỄN GIẢI VÀ VÍ DỤ	
Đại lý (bắt buộc)	P. CITY CODE T* FREE TEXT P.SGNT*ABC TRAVEL 38222111 NGA	
Khách (không bắt buộc)	NP.C** CONFIDENTIAL TEXT NP.C**MR ABC 09123456	
Hủy thông tin ĐT của đại lý	P.2@	Hủy ĐT đại lý dòng 2
Hủy thông tin ĐT của khách	NP.1@	Hủy thông tin ĐT của khách dòng 1
Hiển thị trong BF	*P	

4. TICKETING – Thông tin xuất vé: **DUY NHẤT 1 DÒNG** (p.30)

	CÂU LỆNH	VÍ DỤ
Thông tin xuất vé	T.T*	(nếu đã làm câu lệnh này thì KHÔNG làm câu lệnh T.TAU)
Thông tin xuất vé	T.TAU/DDMMM	T.TAU/16JAN -> đến ngày 16JAN sẽ báo ở Q10 (TRƯỚC ngày khởi hành đầu tiên)
Hủy thông tin xuất vé	T.@	
Hiển thị lại	*TD	

Note: trường hợp nhập 2 lần sẽ có thông báo: **SINGLE ITEM FIELD**

5. RECEIVED FROM – Ký xác nhận: **DUY NHẤT 1 DÒNG** (p.30)

	CÂU LỆNH
Ký xác nhận là tên người tạo BF	R.TÊN
Kết thúc, lưu và hiển thị lại booking	ER
<i>(sau bước này, cần dừng lại để xem hệ thống có báo lỗi gì không: số lượng khách, hành trình liên tục hay chưa, hay thiếu trường nào ...)</i>	
* Nếu KHÔNG cần bổ sung => ghi chú lại code Galileo được hiển thị * Nếu thiếu thì bổ sung => ER => ghi chú lại code Galileo được hiển thị	
Thoát và hiển thị lại BF, không lưu lại thay đổi	IR
Thoát khỏi BF	I

Thay đổi, sắp xếp, huỷ (p.28)

Thay đổi, sắp xếp, huỷ	VÍ DỤ	DIỄN GIẢI
Thay đổi ngày bay	@1/16JAN	Đổi ngày bay của chặng 1 thành 16JAN
Thay đổi số lượng chỗ của chặng nào	@1/3	Đổi số lượng chỗ của chặng 1 sang 3 chỗ
Thay đổi số lượng chỗ tất cả chặng	@A/3	Đổi <u>tất cả</u> chặng sang 3 chỗ
Thay đổi hạng đặt chỗ	@3.5/M	Đổi hạng đặt chỗ chặng 3 VÀ 5 sang M
Thay đổi hạng đặt chỗ	@3-5/M	Đổi hạng đặt chỗ chặng 3, 4, 5 sang M
Sắp xếp thứ tự chặng	/4S2	Xếp chặng số 2 <u>SAU</u> chặng số 4
Huỷ chặng	X2	Huỷ chặng 2
Huỷ toàn bộ hành trình	XI	Huỷ booking